|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC 2023 - 2024** | **MỤC TIÊU, MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**  **MÔN: ĐỊA LÍ 9**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  *Ngày kiểm tra: / /2024* |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

- Năng lực tư duy tổng hợp kiến thức.

- Năng lực tính toán, phân tích số liệu

- Rèn luyện kĩ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kĩ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.

- Rèn kĩ năng phân tích, xác định, khai thác thông tin trên lược đồ.

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục tính tự lực, tự giác, kiên cường trong quá trình làm bài

- Rèn luyện tính kỉ luật của học sinh khi trong kiểm tra

- Bảo vệ môi trường

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

**II- MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức, tổng điểm** | | | | | | | | | **Tổng %điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **VÙNG ĐÔNG NAM BỘ** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | **8 TN** |  | **4TN** | |  | **4TN** |  | **2TN** |  | **(4,5 điểm)** |
| **2** | **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | **8TN** |  | **8TN** | |  | **4TN** |  | **2TN** |  | **(5,5**  **điểm)** |
| **Tỉ lệ** | | | **40%** | | **30%** | | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tổng hợp chung** | | | **40%**  **(4 điểm)** | | | **30%**  **(3 điểm)** | | **20%**  **(2 điểm)** | | **10%**  **(1 điểm)** | | **100% (10**  **điểm)** |

**III - BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| 1 | **VÙNG ĐÔNG NAM BỘ** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  **Vận dụng**  – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.  **Vận dụng cao**  – Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.  – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | 8TN | 4TN | 4TN | 2TN |
| 2 | **VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG** | – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  – Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  – Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  **Thông hiểu**  – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  – Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.  – Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  **Vận dụng cao**  – Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu  đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. | 8TN | 8TN | 4TN | 2TN |
| Số câu/ loại câu | | |  | 16 câu TN | 12 câu TN | 8 câu TN | 4 câu TN |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***4,0 đ*** | ***3,0 đ*** | ***2,0 đ*** | ***1,0 đ*** |
| **Tổng hợp chung** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | ***10%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **MÔN: Địa lí 9**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  Ngày KT: / / 2024 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 311** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1.** **Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?**

**A.** Đồng bằng sông Hồng.  **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Trung du miền núi Bắc Bộ.  **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 2.**  **Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ**

**A.** Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.  **B.** Là trung tâm kinh tế phía Nam.

**C.** Gần trung tâm các nước Đông Nam Á.  **D.** Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

**Câu 3.** **Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất mặn  **B.** Đất phèn

**C.** Đất cát ven biển  **D.** Đất phù sa ngọt

**Câu 4.** **Nguyên nhân làm cho thủy lợi trở thành vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông, lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là**

**A.** các vùng chuyên canh cây công nghiệp cần nhiều nước tưới.

**B.** chủ yếu là đất xám phù sa cổ, độ phì kém và khó giữ nước.

**C.** mạng lưới sông ngòi ít, chủ yếu sông nhỏ ít nước.

**D.** mùa khô kéo dài sâu sắc, nhiều vùng thấp bị ngập úng vào mùa mưa.

**Câu 5.**  **Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

**B.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước.

**C.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

**D.** Các ao, hồ nước ngọt.

**Câu 6.** **Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Tày, Nùng, Thái.  **B.** Giáy, Dao, Mông.

**C.** Khơ me, Chăm, Hoa.  **D.** Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

**Câu 7.**  **Bên** **cạnh** **là** **vựa** **lúa** **số 1 của** **cả** **nước, Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long còn** **phát** **triển** **mạnh**

**A.** Thuỷ hải sản.  **B.** Du lịch

**C.** Nghề rừng  **D.** Giao thông

**Câu 8.** **Các thành phố tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ dầu Một, Vùng Tàu.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**Câu 9.** **Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?**

**A.** 8  **B.** 6  **C.** 9  **D.** 7

**Câu 10.** **Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?**

**A.** Mê Công.  **B.** Đồng Nai.

**C.** Sông Hồng.  **D.** Thái Bình.

**Câu 11.**  **Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng lúa không phải do nguyên nhân nào sau đây?**

**A.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**B.** địa hình thấp và bằng phẳng.

**C.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**D.** sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước.

**Câu 12.**  **Tỉnh** **có** **diện** **tích** **rừng** **ngập** **mặn** **lớn** **nhất ở Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Cà Mau.  **B.** Hà Tiên.

**C.** Kiên Giang.  **D.** Long Xuyên.

**Câu 13.**  **Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là**

**A.** Hạn hán.  **B.** Sạt lở bờ biển.

**C.** Bão.  **D.** Lũ quét.

**Câu 14.**  **Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là**

**A.** Dịch vụ.  **B.** Công nghiệp, xây dựng.

**C.** Không có ngành nào  **D.** Nông – lâm – ngư nghiệp.

**Câu 15.** **Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Xâm nhập mặn  **B.** Cháy rừng

**C.** Triều cường  **D.** Thiếu nước ngọt

**Câu 16.** **Chăn nuôi gia súc, gia cầm của vùng được chú trọng phát triển theo hướng áp dụng phương pháp chăn nuôi**

**A.** công nghiệp.  **B.** bán thâm canh.

**C.** truồng trại.  **D.** nửa chuồng trại.

**Câu 17.** **Phát** **triển** **tổng** **hợp** **các** **ngành** **kinh** **tế** **biển** **nước ta không bao gồm** **ngành** **nào** **sau** **đây?**

**A.** Khai thác và chế biến lâm sản.  **B.** Du lịch biển.

**C.** Đánh bắt nuôi trồng và chế biển thủy sản.  **D.** Khai thác khoáng sản biển.

**Câu 18.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** Đà Lạt  **B.** TP Hồ Chí Minh

**C.** Vũng Tàu  **D.** Nha Trang

**Câu 19.** **Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là**

**A.** Điều  **B.** Cao su  **C.** Cà phê  **D.** Hồ tiêu

**Câu 20.** **Nội dung nào sau đây không thể hiện đúng đặc điểm ngành công nghiệp Đông Nam Bộ**

**A.** Một số ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển.

**B.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng.

**C.** Cơ cấu sản xuất đa dạng nhưng chưa cân đối.

**D.** Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**Câu 21.** Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vực Vùng | Nông, lâm, ngư nghiệp | Công nghiệp –  xây dựng | Dịch vụ |
| Đông Nam Bộ | 6,2 | 59,3 | 34,5 |
| Cả Nước | 23,0 | 38,5 | 38,5 |

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

**A.** Công nghiệp xây dựng  **B.** Khai thác dầu khí

**C.** Dịch vụ  **D.** Nông, lâm, ngư nghiệp

**Câu 22.**  **Cho bảng số liệu:**

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Vùng** | **Diện tích**  *( nghìn km2)* | **Dân số**  *( triệu người)* | **GDP**  *( nghìn tỉ đồng)* |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng kinh tế trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 là  
 A.** Biểu đồ miền.  **B.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ cột chồng.  **D.** Biểu đồ đường.

**Câu 23.** **Ý nghĩa lớn nhất về mặt kinh tế của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** phát triển du lịch sinh thái.  **B.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất.

**C.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.  **D.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**Câu 24.**  **Vật** **nuôi** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** cừu.  **B.** lợn.  **C.** bò.  **D.** vịt.

**Câu 25.** **Công nghiệp** **chế** **biến** **lương** **thực** **thực** **phẩm** **chiếm** **tỉ** **trọng** **cao** **nhất** **trong** **cơ** **cấu** **công** **nghiệp** **của** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long, nguyên** **nhân** **chủ** **yếu** **vì**

**A.** Nhu cầu tiêu thụ lớn của thị trường trong và ngoài nước.

**B.** Nguyên liệu phong phú từ sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp.

**C.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

**D.** Có thế mạnh về nguồn lao động dồi dào, không yêu cầu trình độ cao.

**Câu 26.** **Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vịnh Thái Lan ở phía**

**A.** nam.  **B.** đông nam.

**C.** tây nam.  **D.** bắc và tây bắc.

**Câu 27.** **Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại giá trị kinh tế lớn nhất là**

**A.** hàng may mặc.  **B.** đồ gỗ.

**C.** thực phẩm chế biến.  **D.** dầu thô.

**Câu 28.** **Nhóm đất có giá trị lớn nhất, thích hợp cho phát triển sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất phèn.  **B.** Đất mặn.

**C.** Đất phù sa ngọt.  **D.** Đất feralit

**Câu 29.** **Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là**

**A.** Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**B.** Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

**C.** Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

**D.** Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**Câu 30.** **Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực nào sau đây?**

**A.** Công nghiệp – xây dựng.  **B.** Nông – lâm – ngư nghiệp.

**C.** Dịch vụ.  **D.** Du lịch.

**Câu 31.** **Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là**

**A.** Đất, rừng.  **B.** Khí hậu, nước.

**C.** Tài nguyên khoáng sản.  **D.** Biển và hải đảo.

**Câu 32.** **Nguyên nhân** **chủ** **yếu** **khiến** **đàn** **vịt** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Mặt nước nuôi thả và nguồn thức ăn từ trồng trọt, thủy sản lớn.

**B.** Nguồn thức ăn từ ngành trồng trọt lớn, dịch vụ thú y phát triển

**C.** Khí hậu thuận lợi, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** Nguồn thức ăn công nghiệp lớn và kinh nghiệm của người dân.

**Câu 33.** **Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở**

**A.** Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**Câu 34. Khó khăn của vùng đối với phát triển kinh tế là**

**A.** Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

**B.** Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

**C.** Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**D.** Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**Câu 35.** **Du lịch** **biển** **của** **nước ta hiện** **nay** **mới** **chỉ** **tập** **trung** **khai** **thác** **hoạt** **động**

**A.** thể thao trên biển.  **B.** khám phá các đảo.

**C.** tắm biển.  **D.** lặn biển.

**Câu 36.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** TP Hồ Chí Minh  **B.** Đà Lạt

**C.** Nha Trang  **D.** Vũng Tàu

**Câu 37.**  **Trung tâm** **kinh** **tế** **lớn** **nhất ở ĐBSCL là.**

**A.** Thành phố Cà Mau.  **B.** Thành phố Cao Lãnh.

**C.** Thành phố Cần Thơ.  **D.** Thành phố Mĩ Tho.

**Câu 38.** **Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là**

**A.** tăng sản lượng khỗ khai thác.

**B.** tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**C.** bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

**D.** phát triển công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**Câu 39.** **Nhân tố chủ yếu khiến lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh ngày một đông là**

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi, có nhiều di tích văn hóa lịch sử, nhà hàng khách sạn.

**B.** Đội ngũ lao động ngành du lịch có trình độ cao, hệ thống tiếp thị tốt.

**C.** Chính sách bảo hiểm du lịch cao và đảm bảo; không khí trong lành.

**D.** Vị trí nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á.

**Câu 40.** **Hai quần** **đảo xa bờ** **của** **nước ta là**

**A.** Hoàng Sa, Thổ Chu.  **B.** Hoàng Sa, Nam Du.

**C.** Thổ Chu, Cô Tô.  **D.** Hoàng Sa, Trường Sa.

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **MÔN: Địa lí 9**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  Ngày KT: / / 2024 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 312** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1.**  **Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ**

**A.** Là trung tâm kinh tế phía Nam.  **B.** Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

**C.** Gần trung tâm các nước Đông Nam Á.  **D.** Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.

**Câu 2.**  **Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là**

**A.** Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**B.** Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**C.** Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

**D.** Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

**Câu 3.** **Phát** **triển** **tổng** **hợp** **các** **ngành** **kinh** **tế** **biển** **nước ta không bao gồm** **ngành** **nào** **sau** **đây?**

**A.** Khai thác và chế biến lâm sản.  **B.** Du lịch biển.

**C.** Khai thác khoáng sản biển. **D.** Đánh bắt nuôi trồng và chế biển thủy sản.

**Câu 4.**  **Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước.

**B.** Các ao, hồ nước ngọt.

**C.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

**D.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

**Câu 5.**  **Khó khăn của vùng đối với phát triển kinh tế là**

**A.** Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

**B.** Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**C.** Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

**D.** Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**Câu 6.**  **Ý nghĩa lớn nhất về mặt kinh tế của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.  **B.** phát triển du lịch sinh thái.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất.  **D.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**Câu 7.**  **Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại giá trị kinh tế lớn nhất là**

**A.** hàng may mặc.  **B.** đồ gỗ.

**C.** thực phẩm chế biến.  **D.** dầu thô.

**Câu 8.**  **Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vịnh Thái Lan ở phía**

**A.** nam.  **B.** đông nam.

**C.** bắc và tây bắc.  **D.** tây nam.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vực Vùng | Nông, lâm, ngư nghiệp | Công nghiệp –  xây dựng | Dịch vụ |
| Đông Nam Bộ | 6,2 | 59,3 | 34,5 |
| Cả Nước | 23,0 | 38,5 | 38,5 |

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

**A.** Khai thác dầu khí  **B.** Dịch vụ

**C.** Nông, lâm, ngư nghiệp  **D.** Công nghiệp xây dựng

**Câu 10.** **Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**D.** Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

**Câu 11.** **Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?**

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ.  **B.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Hồng.  **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 12.** **Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là**

**A.** bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

**B.** tăng sản lượng khỗ khai thác.

**C.** phát triển công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**D.** tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**Câu 13.**  **Trung tâm** **kinh** **tế** **lớn** **nhất ở ĐBSCL là**

**A.** Thành phố Cần Thơ.  **B.** Thành phố Cà Mau.

**C.** Thành phố Cao Lãnh.  **D.** Thành phố Mĩ Tho.

**Câu 14.** **Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Khơ me, Chăm, Hoa.  **B.** Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.

**C.** Giáy, Dao, Mông.  **D.** Tày, Nùng, Thái.

**Câu 15.**  **Nhóm đất có giá trị lớn nhất, thích hợp cho phát triển sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất mặn.  **B.** Đất feralit

**C.** Đất phèn.  **D.** Đất phù sa ngọt.

**Câu 16.**  **Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là**

**A.** Nông – lâm – ngư nghiệp.  **B.** Dịch vụ.

**C.** Không có ngành nào  **D.** Công nghiệp, xây dựng.

**Câu 17.** **Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Thiếu nước ngọt  **B.** Cháy rừng

**C.** Xâm nhập mặn  **D.** Triều cường

**Câu 18.** **Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?**

**A.** 8  **B.** 7  **C.** 9  **D.** 6

**Câu 19.** **Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là**

**A.** Hồ tiêu  **B.** Cà phê  **C.** Điều  **D.** Cao su

**Câu 20.** **Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?**

**A.** Mê Công.  **B.** Đồng Nai.

**C.** Thái Bình.  **D.** Sông Hồng.

**Câu 21.**  **Nguyên nhân** **chủ** **yếu** **khiến** **đàn** **vịt** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Nguồn thức ăn từ ngành trồng trọt lớn, dịch vụ thú y phát triển

**B.** Mặt nước nuôi thả và nguồn thức ăn từ trồng trọt, thủy sản lớn.

**C.** Khí hậu thuận lợi, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** Nguồn thức ăn công nghiệp lớn và kinh nghiệm của người dân.

**Câu 22.** **Nguyên nhân làm cho thủy lợi trở thành vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông, lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là**

**A.** mạng lưới sông ngòi ít, chủ yếu sông nhỏ ít nước.

**B.** chủ yếu là đất xám phù sa cổ, độ phì kém và khó giữ nước.

**C.** các vùng chuyên canh cây công nghiệp cần nhiều nước tưới.

**D.** mùa khô kéo dài sâu sắc, nhiều vùng thấp bị ngập úng vào mùa mưa.

**Câu 23.**  **Cho bảng số liệu:**

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Vùng** | **Diện tích**  *( nghìn km2)* | **Dân số**  *( triệu người)* | **GDP**  *( nghìn tỉ đồng)* |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng kinh tế trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 là  
 A.** Biểu đồ miền.  **B.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ đường.  **D.** Biểu đồ cột chồng.

**Câu 24.**  **Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là**

**A.** Lũ quét.  **B.** Sạt lở bờ biển.

**C.** Hạn hán.  **D.** Bão.

**Câu 25.**  **Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là**

**A.** Biển và hải đảo.  **B.** Đất, rừng.

**C.** Tài nguyên khoáng sản.  **D.** Khí hậu, nước.

**Câu 26.** **Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất phèn  **B.** Đất phù sa ngọt

**C.** Đất cát ven biển  **D.** Đất mặn

**Câu 27.** **Chăn nuôi gia súc, gia cầm của vùng được chú trọng phát triển theo hướng áp dụng phương pháp chăn nuôi**

**A.** công nghiệp.  **B.** bán thâm canh.

**C.** truồng trại.  **D.** nửa chuồng trại.

**Câu 28.**  **Bên** **cạnh** **là** **vựa** **lúa** **số 1 của** **cả** **nước, Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long còn** **phát** **triển** **mạnh**

**A.** Nghề rừng  **B.** Thuỷ hải sản.

**C.** Du lịch  **D.** Giao thông

**Câu 29.** **Nội dung nào sau đây không thể hiện đúng đặc điểm ngành công nghiệp Đông Nam Bộ**

**A.** Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**B.** Một số ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển.

**C.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng.

**D.** Cơ cấu sản xuất đa dạng nhưng chưa cân đối.

**Câu 30.**  **Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực nào sau đây?**

**A.** Du lịch.  **B.** Công nghiệp – xây dựng.

**C.** Nông – lâm – ngư nghiệp.  **D.** Dịch vụ.

**Câu 31.**  **Nhân tố chủ yếu khiến lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh ngày một đông là**

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi, có nhiều di tích văn hóa lịch sử, nhà hàng khách sạn.

**B.** Chính sách bảo hiểm du lịch cao và đảm bảo; không khí trong lành.

**C.** Vị trí nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á.

**D.** Đội ngũ lao động ngành du lịch có trình độ cao, hệ thống tiếp thị tốt.

**Câu 32.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** Vũng Tàu  **B.** Đà Lạt

**C.** TP Hồ Chí Minh  **D.** Nha Trang

**Câu 33.**  **Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng lúa không phải do nguyên nhân nào sau đây?**

**A.** địa hình thấp và bằng phẳng.

**B.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước.

**D.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**Câu 34.**  **Tỉnh** **có** **diện** **tích** **rừng** **ngập** **mặn** **lớn** **nhất ở Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Long Xuyên.  **B.** Kiên Giang.

**C.** Cà Mau.  **D.** Hà Tiên.

**Câu 35.**  **Vật** **nuôi** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** lợn.  **B.** cừu.  **C.** vịt.  **D.** bò.

**Câu 36.** **Các thành phố tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ dầu Một, Vùng Tàu.

**Câu 37.**  **Hai quần** **đảo xa bờ** **của** **nước ta là**

**A.** Hoàng Sa, Nam Du.  **B.** Thổ Chu, Cô Tô.

**C.** Hoàng Sa, Thổ Chu.  **D.** Hoàng Sa, Trường Sa.

**Câu 38.**  **Công nghiệp** **chế** **biến** **lương** **thực** **thực** **phẩm** **chiếm** **tỉ** **trọng** **cao** **nhất** **trong** **cơ** **cấu** **công** **nghiệp** **của** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long, nguyên** **nhân** **chủ** **yếu** **vì**

**A.** Có thế mạnh về nguồn lao động dồi dào, không yêu cầu trình độ cao.

**B.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

**C.** Nguyên liệu phong phú từ sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp.

**D.** Nhu cầu tiêu thụ lớn của thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 39.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** Đà Lạt  **B.** Vũng Tàu

**C.** Nha Trang  **D.** TP Hồ Chí Minh

**Câu 40.** **Du lịch** **biển** **của** **nước ta hiện** **nay** **mới** **chỉ** **tập** **trung** **khai** **thác** **hoạt** **động**

**A.** khám phá các đảo.  **B.** tắm biển.

**C.** thể thao trên biển.  **D.** lặn biển.

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **MÔN: Địa lí 9**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  Ngày KT: / / 2024 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 313** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1.** **Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.  **B.** Tày, Nùng, Thái.

**C.** Khơ me, Chăm, Hoa.  **D.** Giáy, Dao, Mông.

**Câu 2.**  **Nhân tố chủ yếu khiến lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh ngày một đông là**

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi, có nhiều di tích văn hóa lịch sử, nhà hàng khách sạn.

**B.** Đội ngũ lao động ngành du lịch có trình độ cao, hệ thống tiếp thị tốt.

**C.** Chính sách bảo hiểm du lịch cao và đảm bảo; không khí trong lành.

**D.** Vị trí nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á.

**Câu 3.**  **Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng lúa không phải do nguyên nhân nào sau đây?**

**A.** sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước.

**B.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**C.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**D.** địa hình thấp và bằng phẳng.

**Câu 4.** **Du lịch** **biển** **của** **nước ta hiện** **nay** **mới** **chỉ** **tập** **trung** **khai** **thác** **hoạt** **động**

**A.** thể thao trên biển.  **B.** khám phá các đảo.

**C.** tắm biển.  **D.** lặn biển.

**Câu 5.**  **Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực nào sau đây?**

**A.** Nông – lâm – ngư nghiệp.  **B.** Công nghiệp – xây dựng.

**C.** Dịch vụ.  **D.** Du lịch.

**Câu 6.** **Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?**

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ.  **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng sông Hồng.  **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 7.** **Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất mặn  **B.** Đất phèn

**C.** Đất phù sa ngọt  **D.** Đất cát ven biển

**Câu 8.** **Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là**

**A.** Hồ tiêu  **B.** Cà phê  **C.** Điều  **D.** Cao su

**Câu 9.**  **Vật** **nuôi** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** cừu.  **B.** vịt.  **C.** bò.  **D.** lợn.

**Câu 10.** **Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?**

**A.** 7  **B.** 6  **C.** 9  **D.** 8

**Câu 11.** **Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Thiếu nước ngọt  **B.** Cháy rừng

**C.** Triều cường  **D.** Xâm nhập mặn

**Câu 12.** **Nội dung nào sau đây không thể hiện đúng đặc điểm ngành công nghiệp Đông Nam Bộ**

**A.** Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**B.** Cơ cấu sản xuất đa dạng nhưng chưa cân đối.

**C.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng.

**D.** Một số ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển.

**Câu 13.** **Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là**

**A.** tăng sản lượng khỗ khai thác.

**B.** bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

**C.** phát triển công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**D.** tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**Câu 14.**  **Nhóm đất có giá trị lớn nhất, thích hợp cho phát triển sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất phèn.  **B.** Đất phù sa ngọt.

**C.** Đất mặn.  **D.** Đất feralit

**Câu 15.**  **Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là**

**A.** Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

**B.** Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**C.** Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

**D.** Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**Câu 16.** **Phát** **triển** **tổng** **hợp** **các** **ngành** **kinh** **tế** **biển** **nước ta không bao gồm** **ngành** **nào** **sau** **đây?**

**A.** Đánh bắt nuôi trồng và chế biển thủy sản.  **B.** Khai thác khoáng sản biển.

**C.** Du lịch biển.  **D.** Khai thác và chế biến lâm sản.

**Câu 17.**  **Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là**

**A.** Sạt lở bờ biển.  **B.** Hạn hán.

**C.** Bão.  **D.** Lũ quét.

**Câu 18.**  **Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là**

**A.** Không có ngành nào  **B.** Nông – lâm – ngư nghiệp.

**C.** Dịch vụ.  **D.** Công nghiệp, xây dựng.

**Câu 19.**  **Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vịnh Thái Lan ở phía**

**A.** bắc và tây bắc.  **B.** tây nam.

**C.** đông nam.  **D.** nam.

**Câu 20.** **Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở:**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

**C.** Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**Câu 21.**  **Hai quần** **đảo xa bờ** **của** **nước ta là**

**A.** Hoàng Sa, Thổ Chu.  **B.** Hoàng Sa, Trường Sa.

**C.** Thổ Chu, Cô Tô.  **D.** Hoàng Sa, Nam Du.

**Câu 22.** **Các thành phố tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.

**B.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ dầu Một, Vùng Tàu.

**D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai.

**Câu 23.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** Đà Lạt  **B.** TP Hồ Chí Minh

**C.** Vũng Tàu  **D.** Nha Trang

**Câu 24.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là**

**A.** Vũng Tàu  **B.** Đà Lạt

**C.** Nha Trang  **D.** TP Hồ Chí Minh

**Câu 25.**  **Trung tâm** **kinh** **tế** **lớn** **nhất ở ĐBSCL là**

**A.** Thành phố Cà Mau.  **B.** Thành phố Cần Thơ.

**C.** Thành phố Mĩ Tho.  **D.** Thành phố Cao Lãnh.

**Câu 26.** **Chăn nuôi gia súc, gia cầm của vùng được chú trọng phát triển theo hướng áp dụng phương pháp chăn nuôi**

**A.** truồng trại.  **B.** bán thâm canh.

**C.** nửa chuồng trại.  **D.** công nghiệp.

**Câu 27.**  **Tỉnh** **có** **diện** **tích** **rừng** **ngập** **mặn** **lớn** **nhất ở Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Cà Mau.  **B.** Hà Tiên.

**C.** Long Xuyên.  **D.** Kiên Giang.

**Câu 28.**  **Ý nghĩa lớn nhất về mặt kinh tế của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.  **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất.  **D.** phát triển du lịch sinh thái.

**Câu 29.**  **Cho bảng số liệu:**

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Vùng** | **Diện tích**  *( nghìn km2)* | **Dân số**  *( triệu người)* | **GDP**  *( nghìn tỉ đồng)* |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng kinh tế trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 là  
 A.** Biểu đồ miền.  **B.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ đường.  **D.** Biểu đồ cột chồng.

**Câu 30.**  **Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ**

**A.** Là trung tâm kinh tế phía Nam.  **B.** Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

**C.** Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.  **D.** Gần trung tâm các nước Đông Nam Á.

**Câu 31.** Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vực Vùng | Nông, lâm, ngư nghiệp | Công nghiệp –  xây dựng | Dịch vụ |
| Đông Nam Bộ | 6,2 | 59,3 | 34,5 |
| Cả Nước | 23,0 | 38,5 | 38,5 |

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

**A.** Nông, lâm, ngư nghiệp  **B.** Dịch vụ

**C.** Công nghiệp xây dựng  **D.** Khai thác dầu khí

**Câu 32.**  **Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước.

**B.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

**C.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

**D.** Các ao, hồ nước ngọt.

**Câu 33.** **Nguyên nhân làm cho thủy lợi trở thành vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông, lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là**

**A.** mạng lưới sông ngòi ít, chủ yếu sông nhỏ ít nước.

**B.** các vùng chuyên canh cây công nghiệp cần nhiều nước tưới.

**C.** mùa khô kéo dài sâu sắc, nhiều vùng thấp bị ngập úng vào mùa mưa.

**D.** chủ yếu là đất xám phù sa cổ, độ phì kém và khó giữ nước.

**Câu 34.**  **Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là**

**A.** Tài nguyên khoáng sản.  **B.** Biển và hải đảo.

**C.** Khí hậu, nước.  **D.** Đất, rừng.

**Câu 35.**  **Nguyên nhân** **chủ** **yếu** **khiến** **đàn** **vịt** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Nguồn thức ăn công nghiệp lớn và kinh nghiệm của người dân.

**B.** Mặt nước nuôi thả và nguồn thức ăn từ trồng trọt, thủy sản lớn.

**C.** Nguồn thức ăn từ ngành trồng trọt lớn, dịch vụ thú y phát triển

**D.** Khí hậu thuận lợi, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 36.**  **Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại giá trị kinh tế lớn nhất là**

**A.** thực phẩm chế biến.  **B.** hàng may mặc.

**C.** đồ gỗ.  **D.** dầu thô.

**Câu 37.**  **Khó khăn của vùng đối với phát triển kinh tế là**

**A.** Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

**B.** Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**C.** Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

**D.** Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**Câu 38.**  **Công nghiệp** **chế** **biến** **lương** **thực** **thực** **phẩm** **chiếm** **tỉ** **trọng** **cao** **nhất** **trong** **cơ** **cấu** **công** **nghiệp** **của** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long, nguyên** **nhân** **chủ** **yếu** **vì**

**A.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

**B.** Nguyên liệu phong phú từ sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp.

**C.** Nhu cầu tiêu thụ lớn của thị trường trong và ngoài nước.

**D.** Có thế mạnh về nguồn lao động dồi dào, không yêu cầu trình độ cao.

**Câu 39.** **Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?**

**A.** Đồng Nai.  **B.** Mê Công.

**C.** Thái Bình.  **D.** Sông Hồng.

**Câu 40.**  **Bên** **cạnh** **là** **vựa** **lúa** **số 1 của** **cả** **nước, Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long còn** **phát** **triển** **mạnh:**

**A.** Thuỷ hải sản.  **B.** Nghề rừng

**C.** Giao thông  **D.** Du lịch

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **MÔN: Địa lí 9**  *Thời gian làm bài: 45 phút*  Ngày KT: / / 2024 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 314** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1.** **Nhiệm vụ quan trọng trong ngành lâm nghiệp đang được các địa phương ở Đông Nam Bộ đầu tư là**

**A.** tăng sản lượng khỗ khai thác.

**B.** tìm thị trường cho việc xuất khẩu gỗ.

**C.** bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

**D.** phát triển công nghiệp sản xuất gỗ giấy.

**Câu 2.**  **Tỉnh** **có** **diện** **tích** **rừng** **ngập** **mặn** **lớn** **nhất ở Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Cà Mau.  **B.** Long Xuyên.

**C.** Hà Tiên.  **D.** Kiên Giang.

**Câu 3.**  **Hai quần** **đảo xa bờ** **của** **nước ta là**

**A.** Thổ Chu, Cô Tô.  **B.** Hoàng Sa, Thổ Chu.

**C.** Hoàng Sa, Nam Du.  **D.** Hoàng Sa, Trường Sa.

**Câu 4.**  **Lợi thế lớn nhất cho phát triển thủy sản nước ngọt của đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Sông, ngòi, kênh rạch chằng chịt, các vùng trũng ngập nước.

**B.** Vùng biển rộng, ấm, nhiều ngư trường lớn.

**C.** Nhiều vũng vịnh, đầm phá, cửa sông ven biển.

**D.** Các ao, hồ nước ngọt.

**Câu 5.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là:**

**A.** Nha Trang  **B.** Vũng Tàu

**C.** TP Hồ Chí Minh  **D.** Đà Lạt

**Câu 6.**  **Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng lúa không phải do nguyên nhân nào sau đây?**

**A.** sự đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước.

**B.** khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** diện tích đất nông nghiệp lớn.

**D.** địa hình thấp và bằng phẳng.

**Câu 7.** **Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là**

**A.** Hồ tiêu  **B.** Cà phê  **C.** Cao su  **D.** Điều

**Câu 8.**  **Mặt hàng xuất khẩu chủ lực, mang lại giá trị kinh tế lớn nhất là**

**A.** dầu thô.  **B.** đồ gỗ.

**C.** hàng may mặc.  **D.** thực phẩm chế biến.

**Câu 9.** **Chăn nuôi gia súc, gia cầm của vùng được chú trọng phát triển theo hướng áp dụng phương pháp chăn nuôi**

**A.** bán thâm canh.  **B.** nửa chuồng trại.

**C.** truồng trại.  **D.** công nghiệp.

**Câu 10.**  **Trung tâm** **kinh** **tế** **lớn** **nhất ở ĐBSCL là**

**A.** Thành phố Cần Thơ.  **B.** Thành phố Cao Lãnh.

**C.** Thành phố Cà Mau.  **D.** Thành phố Mĩ Tho.

**Câu 11.**  **Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là:**

**A.** Tài nguyên khoáng sản.  **B.** Biển và hải đảo.

**C.** Đất, rừng.  **D.** Khí hậu, nước.

**Câu 12.**  **Đông Nam Bộ có thể phát triển nhanh không phải là nhờ:**

**A.** Gần trung tâm các nước Đông Nam Á.  **B.** Nền nông nghiệp tiên tiến nhất.

**C.** Gần nhiều vùng giàu tiềm năng.  **D.** Là trung tâm kinh tế phía Nam.

**Câu 13.** **Nguyên nhân làm cho thủy lợi trở thành vấn đề có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông, lâm nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là**

**A.** các vùng chuyên canh cây công nghiệp cần nhiều nước tưới.

**B.** mạng lưới sông ngòi ít, chủ yếu sông nhỏ ít nước.

**C.** chủ yếu là đất xám phù sa cổ, độ phì kém và khó giữ nước.

**D.** mùa khô kéo dài sâu sắc, nhiều vùng thấp bị ngập úng vào mùa mưa.

**Câu 14.**  **Thiên tai ảnh hưởng lớn đến hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta là**

**A.** Bão.  **B.** Hạn hán.

**C.** Lũ quét.  **D.** Sạt lở bờ biển.

**Câu 15.**  **Nhân tố chủ yếu khiến lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh ngày một đông là**

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi, có nhiều di tích văn hóa lịch sử, nhà hàng khách sạn.

**B.** Vị trí nằm ở khu vực trung tâm của Đông Nam Á.

**C.** Chính sách bảo hiểm du lịch cao và đảm bảo, không khí trong lành.

**D.** Đội ngũ lao động ngành du lịch có trình độ cao, hệ thống tiếp thị tốt.

**Câu 16.**  **Bên** **cạnh** **là** **vựa** **lúa** **số 1 của** **cả** **nước, Đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long còn** **phát** **triển** **mạnh**

**A.** Thuỷ hải sản.  **B.** Nghề rừng

**C.** Du lịch  **D.** Giao thông

**Câu 17.**  **Công nghiệp** **chế** **biến** **lương** **thực** **thực** **phẩm** **chiếm** **tỉ** **trọng** **cao** **nhất** **trong** **cơ** **cấu** **công** **nghiệp** **của** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long, nguyên** **nhân** **chủ** **yếu** **vì**

**A.** Có thế mạnh về nguồn lao động dồi dào, không yêu cầu trình độ cao.

**B.** Nguyên liệu phong phú từ sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp.

**C.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

**D.** Nhu cầu tiêu thụ lớn của thị trường trong và ngoài nước.

**Câu 18.**  **Cho bảng số liệu:**

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Vùng** | **Diện tích**  *( nghìn km2)* | **Dân số**  *( triệu người)* | **GDP**  *( nghìn tỉ đồng)* |
| Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng kinh tế trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

**Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 là  
 A.** Biểu đồ đường.  **B.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ miền.  **D.** Biểu đồ cột chồng.

**Câu 19.** **Bờ biển vùng nào dưới đây có lợi thế hơn cả trong phát triển du lịch biển?**

**A.** Đồng bằng sông Hồng.  **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ.  **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 20.**  **Đặc điểm không đúng với vùng ĐNB là**

**A.** Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao

**B.** Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

**C.** Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**D.** Thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao

**Câu 21.**  **Vật** **nuôi** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** lợn.  **B.** vịt.  **C.** cừu.  **D.** bò.

**Câu 22.** **Du lịch** **biển** **của** **nước ta hiện** **nay** **mới** **chỉ** **tập** **trung** **khai** **thác** **hoạt** **động**

**A.** thể thao trên biển.  **B.** tắm biển.

**C.** khám phá các đảo.  **D.** lặn biển.

**Câu 23.** **Phát** **triển** **tổng** **hợp** **các** **ngành** **kinh** **tế** **biển** **nước ta không bao gồm** **ngành** **nào** **sau** **đây?**

**A.** Khai thác và chế biến lâm sản.

**B.** Đánh bắt nuôi trồng và chế biển thủy sản.

**C.** Khai thác khoáng sản biển.

**D.** Du lịch biển.

**Câu 24.**  **Trong cơ cấu kinh tế của vùng, ngành chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là:**

**A.** Nông – lâm – ngư nghiệp.  **B.** Dịch vụ.

**C.** Công nghiệp, xây dựng.  **D.** Không có ngành nào

**Câu 25.** **Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

**A.** Đất phù sa ngọt  **B.** Đất phèn

**C.** Đất cát ven biển  **D.** Đất mặn

**Câu 26.** **Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

**A.** Thiếu nước ngọt  **B.** Xâm nhập mặn

**C.** Cháy rừng  **D.** Triều cường

**Câu 27.** **Nội dung nào sau đây không thể hiện đúng đặc điểm ngành công nghiệp Đông Nam Bộ**

**A.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong GDP của vùng.

**B.** Một số ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển.

**C.** Cơ cấu sản xuất đa dạng nhưng chưa cân đối.

**D.** Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**Câu 28.** **Các thành phố tạo thành tam giác công nghiệp mạnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ dầu Một, Vùng Tàu.  **B.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.  **D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai.

**Câu 29.**  **Khó khăn của vùng đối với phát triển kinh tế là**

**A.** Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái

**B.** Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường

**C.** Ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

**D.** Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu)

**Câu 30.** **Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?**

**A.** Đồng Nai.  **B.** Sông Hồng.

**C.** Mê Công.  **D.** Thái Bình.

**Câu 31.**  **Ý nghĩa lớn nhất về mặt kinh tế của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** chắn sóng, chắn gió, giữ đất.  **B.** cung cấp gỗ và chất đốt.

**C.** bảo tồn nguồn gen sinh vật.  **D.** phát triển du lịch sinh thái.

**Câu 32.** Cho bảng số liệu

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC, NĂM 2002 (%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Khu vực Vùng | Nông, lâm, ngư nghiệp | Công nghiệp –  xây dựng | Dịch vụ |
| Đông Nam Bộ | 6,2 | 59,3 | 34,5 |
| Cả Nước | 23,0 | 38,5 | 38,5 |

Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là:

**A.** Dịch vụ  **B.** Công nghiệp xây dựng

**C.** Nông, lâm, ngư nghiệp  **D.** Khai thác dầu khí

**Câu 33.**  **Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vịnh Thái Lan ở phía**

**A.** bắc và tây bắc.  **B.** nam.

**C.** đông nam.  **D.** tây nam.

**Câu 34.** **Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là:**

**A.** Nha Trang  **B.** Vũng Tàu

**C.** TP Hồ Chí Minh  **D.** Đà Lạt

**Câu 35.**  **Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực nào sau đây?**

**A.** Nông – lâm – ngư nghiệp.  **B.** Dịch vụ.

**C.** Du lịch.  **D.** Công nghiệp – xây dựng.

**Câu 36.** **Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.  **B.** Tày, Nùng, Thái.

**C.** Khơ me, Chăm, Hoa.  **D.** Giáy, Dao, Mông.

**Câu 37.**  **Nguyên nhân** **chủ** **yếu** **khiến** **đàn** **vịt** **phát** **triển** **mạnh ở vùng** **đồng** **bằng** **sông** **Cửu Long là**

**A.** Mặt nước nuôi thả và nguồn thức ăn từ trồng trọt, thủy sản lớn.

**B.** Nguồn thức ăn công nghiệp lớn và kinh nghiệm của người dân.

**C.** Nguồn thức ăn từ ngành trồng trọt lớn, dịch vụ thú y phát triển

**D.** Khí hậu thuận lợi, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 38.** **Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố?**

**A.** 7  **B.** 6  **C.** 9  **D.** 8

**Câu 39.** **Ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ tập trung chủ yếu ở:**

**A.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.  **B.** Biên Hòa, Vũng Tàu, Bình Dương.

**C.** TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.  **D.** TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương.

**Câu 40.**  **Nhóm đất có giá trị lớn nhất, thích hợp cho phát triển sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Cửu Long là**

**A.** Đất mặn.  **B.** Đất feralit

**C.** Đất phèn.  **D.** Đất phù sa ngọt.

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ**  **NĂM HỌC 2023- 2024** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**  **MÔN: Địa lí 9** |

**TRẮC NGHIỆM (10điểm/40 câu):**Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐỀ 311** | | | | | | | | | | |
| **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **D** | **D** | **B** | **D** | **B** | **C** | **A** | **C** | **D** | **A** |
| **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **C** | **D** | **D** | **A** | **A** | **B** | **B** | **C** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* | *29* | *30* |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **A** | **D** | **B** | **C** | **D** | **C** | **B** | **A** |
| **Câu** | *31* | *32* | *33* | *34* | *35* | *36* | *37* | *38* | *39* | *40* |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **A** | **C** | **C** | **A** | **D** |

**ĐỀ 312**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **B** | **C** | **A** | **A** | **B** | **B** | **D** | **D** | **D** | **C** |
| **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **A** | **A** | **D** | **A** | **A** | **B** | **D** | **A** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* | *29* | *30* |
| **Đáp án** | **B** | **D** | **B** | **D** | **C** | **A** | **A** | **B** | **D** | **B** |
| **Câu** | *31* | *32* | *33* | *34* | *35* | *36* | *37* | *38* | *39* | *40* |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **C** | **C** | **C** | **B** | **D** | **C** | **D** | **B** |

**ĐỀ 313**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **A** | **C** | **B** | **A** | **B** | **D** | **B** | **A** |
| **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **B** | **B** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** | **A** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* | *29* | *30* |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **D** | **B** | **D** | **A** | **D** | **B** | **B** |
| **Câu** | *31* | *32* | *33* | *34* | *35* | *36* | *37* | *38* | *39* | *40* |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **C** | **A** | **B** | **D** | **B** | **B** | **B** | **A** |

**ĐỀ 314**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **D** | **A** | **C** | **A** | **C** | **A** | **D** | **A** |
| **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **D** | **A** | **A** | **A** | **B** | **B** | **C** | **D** |
| **Câu** | *21* | *22* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* | *29* | ***30*** |
| **Đáp án** | **B** | **B** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **C** | **C** | **C** |
| **Câu** | *31* | *32* | *33* | *34* | *35* | *36* | *37* | *38* | *39* | *40* |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **D** | **C** | **D** | **C** | **A** | **A** | **A** | **D** |

**BGH DUYỆT TỔ TRƯỞNG NTCM GV RA ĐỀ**

**Đỗ Thị Phương Mai Lê Thị Yến Nguyễn Thị Vân**